

Số : 2182 /ĐS-TCCB
V/v Hướng dẫn thi hành Thông tư
số 21/2015/TT-BGTVT ngày 05/6/2015.

Hà Nội, ngày 04 tháng 8 năm 2015

Kính gửi:

- Các đơn vị trực thuộc Tổng công ty Đường sắt Việt Nam.
- Các công ty TNHH một thành viên do Tổng công ty Đường sắt Việt Nam làm chủ sở hữu.

Ngày 05 tháng 6 năm 2015, Bộ Giao thông vận tải đã ban hành Thông tư số 21/2015/TT-BGTVT Quy định về thời giờ làm việc và thời giờ nghỉ ngơi đối với người lao động làm các công việc có tính chất đặc biệt trong vận tải đường sắt. Thông tư này có hiệu lực từ ngày 01 tháng 8 năm 2015 và thay thế Thông tư số 23/1998/TT-BGTVT ngày 07/02/1998 của Bộ Giao thông vận tải ban hành Quy định thời giờ làm việc và thời giờ nghỉ ngơi đối với những người làm các công việc có tính chất đặc biệt trong vận tải đường sắt.

Tổng công ty Đường sắt Việt Nam hướng dẫn để các đơn vị thực hiện như sau:

1. Giải thích từ ngữ

1.1. “Thời gian tác nghiệp” được nêu tại Khoản 2, Điều 3 Thông tư số 21/2015/TT-BGTVT là tổng thời giờ thực tế làm việc mà người lao động phải thực hiện theo quy định của quy trình tác nghiệp trong thời gian lên ban (sau đây ký hiệu là T_{tn}).

1.2. “Thời giờ thực hiện công việc cần thiết trong ngày” được nêu tại Khoản 6 Điều 3 Thông tư số 21/2015/TT-BGTVT là những thời giờ thực tế làm việc mà người lao động phải thực hiện theo quy định của quy trình tác nghiệp trong thời gian lên ban, kể cả thời giờ chuẩn bị và kết thúc công việc (sau đây ký hiệu là T_{thcv}).

1.3. “Thời gian thường trực nghỉ tại chỗ” được nêu tại Khoản 2, Điều 3 và “thời gian nghỉ tại chỗ” được nêu tại Mục b, Khoản 2, Điều 5 Thông tư số 21/2015/TT-BGTVT là thời gian người lao động đang lên ban nhưng không phải thực hiện công việc theo quy định của quy trình tác nghiệp mà vẫn phải có mặt tại nơi làm việc để có thể thực hiện những nhiệm vụ phát sinh.

2. Chế độ làm việc theo ban

2.1. Chế độ 4 ban: thời giờ làm việc, thời giờ nghỉ ngơi, số ban tối đa trong một tháng được quy định tại Mục a, Khoản 2, Điều 4 Thông tư số 21/2015/TT-BGTVT ngày 05/6/2015.

2.2. Chế độ 3,5 ban: thời giờ làm việc, thời giờ nghỉ ngơi, số ban tối đa trong một tháng được quy định tại Mục b, Khoản 2, Điều 4 Thông tư số 21/2015/TT-BGTVT ngày 05/6/2015.

2.3. Chế độ 3 ban: thời giờ làm việc, thời giờ nghỉ ngơi, số ban tối đa trong một tháng được quy định tại Mục c, Khoản 2, Điều 4 Thông tư số 21/2015/TT-BGTVT ngày 05/6/2015.

2.4. Chế độ 2,5 ban: thời giờ làm việc, thời giờ nghỉ ngơi, số ban tối đa trong một tháng được quy định tại Mục d, Khoản 2, Điều 4 Thông tư số 21/2015/TT-BGTVT ngày 05/6/2015.

2.5. Chế độ 2 ban: thời giờ làm việc, thời giờ nghỉ ngơi, số ban tối đa trong một tháng được quy định tại Mục đ, Khoản 2, Điều 4 Thông tư số 21/2015/TT-BGTVT ngày 05/6/2015.

2.6. Chế độ 1,5 ban: thời giờ làm việc, thời giờ nghỉ ngơi, số ban tối đa trong một tháng được quy định tại Mục e, Khoản 2, Điều 4 Thông tư số 21/2015/TT-BGTVT ngày 05/6/2015.

3. Cơ sở xác định chế độ ban

Cơ sở để xác định cho người lao động làm việc theo 6 chế độ ban đã quy định tại Khoản 2, Điều 4 Thông tư số 21/2015/TT-BGTVT ngày 05/6/2015 là thời giờ thực hiện công việc cần thiết trong một ngày đêm (24 giờ liên tục) tại một vị trí làm việc (T_{thcv}) được tính theo công thức sau:

$$T_{thcv} = T_{tn} + T_{ck}$$

Trong đó:

- T_{tn} : là thời gian tác nghiệp đã được giải thích tại Mục 2.1.

- T_{ck} : là thời gian chuẩn bị và kết thúc công việc (hay còn gọi là thời gian giao nhận ban).

3.1. Chế độ 4 ban: chỉ áp dụng đối với các chức danh làm các công việc đặc biệt nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm khi có $T_{thcv} \geq 24$ giờ.

3.2. Khi $T_{thcv} > 24$ giờ ($T_{tn} = 24$ giờ, chưa tính T_{ck}): áp dụng chế độ 3,5 ban.

3.3. Khi $16 < T_{thcv} \leq 24$ giờ: áp dụng chế độ 3 ban.

3.4. Khi $12 \text{ giờ} < T_{thcv} \leq 16$ giờ: áp dụng chế độ 2,5 ban.

3.5. Khi $08 \text{ giờ} < T_{thcv} \leq 12$ giờ: áp dụng chế độ 2 ban.

3.6. Khi $T_{thcv} \leq 08$ giờ: áp dụng chế độ 1,5 ban.

Lưu ý: việc xác định chế độ ban, số ban chế độ trong tháng tính theo chế độ làm việc 48 giờ/tuần.

Việc nghỉ tại chỗ trong thời gian lên ban (đã giải thích tại Mục 1.3) được áp dụng đối với các chế độ ban mà có thời gian lên ban > 8 giờ. Trong quá trình kiểm tra các chức danh lao động làm việc theo chế độ ban, các đơn vị cần lưu ý thời điểm kiểm tra có trùng với thời gian thường trực nghỉ tại chỗ của người lao động không để đưa ra những kết luận kiểm tra phù hợp.

Số ban làm việc chế độ trong một tháng đối với người lao động làm việc theo chế độ ban được quy đổi ra công của người lao động làm việc bình thường và lấy 26 công/tháng làm tiêu chuẩn để trả lương và ăn giữa ca theo quy định.

Biểu tổng hợp 6 chế độ ban

Chế độ ban	Thời gian lên ban (giờ)	Thời gian xuống ban (giờ)	Số ban chế độ/tháng	Quy ra công bình thường
4 ban	≤ 06	≥ 12	26	1 ban 06 giờ = 1 công
	≤ 12	≥ 24	13	1 ban 12 giờ = 2 công
3,5 ban	≤ 08	≥ 16	22,5	1 ban 08 giờ = 1,16 công
	≤ 12	≥ 24	15	1 ban 12 giờ = 1,73 công
3 ban	≤ 08	≥ 16	26	1 ban 08 giờ = 1 công
	≤ 12	≥ 24	17	1 ban 12 giờ = 1,53 công
2,5 ban	≤ 12	≥ 12	21	1 ban 12 giờ = 1,24 công
	≤ 24	≥ 24	10,5	1 ban 24 giờ = 2,48 công
2 ban	≤ 12	≥ 12	26	1 ban 12 giờ = 1 công
	≤ 24	≥ 24	13	1 ban 24 giờ = 2 công
1,5 ban	≤ 16	≥ 08	26	1 ban 16 giờ = 1 công
	≤ 24	≥ 12	17,3	1 ban 24 giờ = 1,5 công
	≤ 48	≥ 24	08	1 ban 48 giờ = 3 công

4. Một số quy định khác

4.1. Ngày nghỉ hàng tuần, nghỉ lễ tết không nhất thiết phải nghỉ đúng vào ngày nghỉ hàng tuần, ngày lễ tết. Các đơn vị có trách nhiệm bố trí để người lao động được nghỉ đủ số ngày nghỉ hàng tuần, nghỉ lễ tết theo quy định của Pháp luật lao động kết hợp với nghỉ xuống ban (có thể nghỉ một lần hoặc nghỉ nhiều lần trong từng tháng). Những quy định này phải được ghi vào Nội quy lao động của đơn vị.

4.2. Thời giờ không được coi là thời giờ làm việc (quy định tại Mục b Khoản 3 Điều 5 Thông tư số 21/2015/TT-BGTVT ngày 05/6/2015) nhưng được quy đổi để tính bổ sung tiền lương cho người lao động như sau:

- Thời gian di chuyển (thời gian người lao động phải di chuyển đến địa điểm khác để nhận việc) được tính bằng 50% giờ thực tế làm việc;

- Thời gian chờ đợi (do tàu chậm), thời gian nghỉ ngơi giữa hai hành trình chạy tàu nếu phải thực hiện ở trên tàu được tính bằng 30% giờ thực tế làm việc.

Văn bản số 359 QĐ/TCCB-LĐ ngày 23/4/1998 của Liên hiệp Đường sắt Việt Nam (nay là Tổng công ty Đường sắt Việt Nam) về Biện pháp thực hiện Thông tư số 23/1998/TT-BGTVT ngày 07/02/1998 của Bộ Giao thông vận tải quy định thời giờ làm việc và thời giờ nghỉ ngơi đối với những người làm các công việc có tính chất đặc biệt trong vận tải đường sắt hết hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 8 năm 2015.

Trong quá trình thực hiện, nếu có gì vướng mắc, các đơn vị kịp thời phản ánh về Tổng công ty Đường sắt Việt Nam (qua Ban Tổ chức Cán bộ - Lao động) để có hướng giải quyết.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Công đoàn ĐSVN;
- Các Ban: KSNB, TCKT, KHKD, BVANQP, VIĐMTX, QL.KCHTĐS;
- Lưu: VT, TCCB.

HỘI ĐỒNG GIÁM ĐỐC *Handwritten signature*

Vũ Tá Tùng

